

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH NINH THUẬN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 24/2025/HS-PT

Ngày: 02 - 4 - 2025

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH NINH THUẬN

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lâm Bách.

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Được;

Bà Trần Thị Thu Hằng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Hán Thị Hồng Đào - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Thuận.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Ninh Thuận tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Trang – Kiểm sát viên.

Ngày 02 - 4 - 2025, tại Phòng xét xử số 02, Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Thuận xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 24/2025/TLPT-HS ngày 06 tháng 3 năm 2025 đối với bị cáo Lương Phi T do có kháng cáo của bị cáo đối với bản án hình sự sơ thẩm số: 05/2025/HS-ST ngày 22 tháng 01 năm 2025 của Tòa án nhân dân huyện Ninh Sơn, tỉnh Ninh Thuận.

- Bị cáo có kháng cáo:

LƯƠNG PHI T, sinh năm: 1987, tại Ninh Thuận. Giới tính: Nam;
Nơi cư trú: Thôn M, xã M, huyện N, tỉnh Ninh Thuận;
Nghề nghiệp: Làm nông; Trình độ văn hóa (học vấn): 9/12; Dân tộc: Hoa; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không; Con ông Lương Niệp K (đã chết) và bà Phạm Thị N; Vợ là: Nguyễn Thị Ngọc H và 03 người con; Tiền sự, Tiền án: Không; Tạm giữ, Tạm giam: Không. Bị cáo hiện đang tại ngoại.
Có mặt tại phiên tòa.

- Người bào chữa cho bị cáo: Ông Lê Xuân L – Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh N.

Có mặt tại phiên tòa.

Ngoài ra, còn có người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan (Lương Vẹn T1, Nguyễn

Tân L1) không có kháng cáo, không liên quan đến kháng cáo nên không triệu tập.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Lương Phi T đang quản lý, sử dụng 03 xe mô tô, gồm: 01 xe mô tô biển số 85F1-196.54 của chị Lương Vẹn T1 (là em gái T) giao cho T quản lý, sử dụng, kèm theo 01 bản phô tô công chứng Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô (bản chính thể chấp ở ngân hàng); 01 xe mô tô biển số 51Z6-5561, đăng ký xe mô tô mang tên Nguyễn Tấn L1, do T mua của một người thanh niên (không rõ lai lịch) tại thành phố P - T, tỉnh Ninh Thuận với giá 18.000.000 đồng và 01 xe mô tô biển số 67H1-645.05, đăng ký xe mô tô mang tên Đỗ Văn P, do T mua của một người thanh niên (không rõ lai lịch) với giá 15.000.000 đồng.

Trong quá trình sử dụng, T bị mất 02 Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô của 02 xe đã mua và không có bản chính Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô của xe chị T1 nên T nảy sinh ý định mua 03 Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô giả để đối phó với Cảnh sát giao thông khi tham gia lưu thông.

T sử dụng điện thoại di động vào mạng xã hội, tìm được tài khoản tên “Thu H1” trao đổi, thỏa thuận nhận làm Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy giả cho T với giá 600.000 đồng/giấy và nhận hàng, trả tiền qua dịch vụ Bưu điện xã M, huyện N, tỉnh Ninh Thuận. T cung cấp các hình ảnh của các giấy đăng ký xe, thông tin xe theo yêu cầu của tài khoản “Thu H1” để làm 03 Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy giả.

Ngày 02/3/2024, T đến Bưu điện xã M nhận bưu kiện bên trong có 01 Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy giả số 085108 mang tên Lương Vẹn T1, do Phòng C Công an tỉnh N cấp ngày 21/11/2017, biển số đăng ký 85F1-196.54 và thanh toán 600.000 đồng. T mang về sử dụng, sau đó giao xe này cho một người bạn tên Bé T2 (không rõ lai lịch) mượn sử dụng.

Vào lúc 08 giờ ngày 12/03/2024, T tiếp tục đến Bưu điện xã M nhận 01 bưu kiện và đang mở ra kiểm tra, chưa kịp thanh toán tiền thì bị lực lượng Công an xã M bắt quả tang, thu giữ bên trong bưu kiện có: 01 Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy số 51009118 mang tên Nguyễn Tấn L1, do Phòng Cảnh sát giao thông Công an thành phố C cấp ngày 27/12/2023, biển số đăng ký 51Z6-5561 và 01 Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy số 037149 mang tên Đỗ Văn P, do Công an thị xã T Công an tỉnh A cấp ngày 02/7/2019, biển số đăng ký 67H1-645.05.

Sau đó, T tự nguyện giao nộp 01 Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy số 085108 giả mà T đã mua vào ngày 02/3/2024.

Tại kết luận Giám định số 181/KL-KTHS ngày 16/7/2024 của Phòng K1 Công an tỉnh N kết luận:

- 01 Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe gắn máy số 51009118 mang tên Nguyễn Tấn L1, do Phòng Cảnh sát giao thông Công an thành phố C cấp ngày 27/12/2023, biển số đăng ký 51Z6-5561 (ký hiệu A1) là giả;
- 01 Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe gắn máy số 037149 mang tên Đỗ Văn P, do Công an thị xã T Công an tỉnh A cấp ngày 02/7/2019, biển số đăng ký 67H1-645.05 (ký hiệu A2) là giả;
- 01 Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe gắn máy số 085108 mang tên Lương Vẹn T1, do Phòng C Công an tỉnh N cấp ngày 21/11/2017, biển số đăng ký 85F1-196.54 (ký hiệu A3) là giả.

* Tại Bản án hình sự sơ thẩm số: 05/2025/HS-ST ngày 22 tháng 01 năm 2025 của Tòa án nhân dân huyện Ninh Sơn, tỉnh Ninh Thuận đã quyết định:

Tuyên bố: bị cáo Lương Phi T phạm tội “Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức”.

Căn cứ điểm b, c khoản 2 Điều 341; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 BLHS.

Xử phạt bị cáo Lương Phi T 24 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về biện pháp tư pháp, án phí và quyền kháng cáo theo quy định.

** Phần kháng cáo:*

- Ngày 27/01/2025, bị cáo Lương Phi T có kháng cáo đề nghị xem xét về tội danh, xin được giảm nhẹ hình phạt, cho hưởng án treo.

- Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo giữ nguyên nội dung kháng cáo.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Ninh Thuận phát biểu quan điểm giải quyết vụ án:

Về hình thức: Đơn kháng cáo của bị cáo Lương Phi T là đúng chủ thể và đảm bảo thời hạn theo quy định của pháp luật nên được chấp nhận xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

Về nội dung: bị cáo đặt làm 3 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô để sử dụng nên bị cáo phạm tội “Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức” theo điểm b khoản 2 Điều 341 BLHS. Bị cáo không phạm tội theo tình tiết định khung tăng nặng tại điểm c khoản 2 Điều 341 BLHS. Bị cáo tự thú vào hành vi phạm tội

ngày 2/3/2024, phạm tội đã hoàn thành nhưng chưa đạt vào ngày 12/3/2024. Giai đoạn phúc thẩm phát sinh nhiều tình tiết giảm nhẹ mới nên cần áp dụng Điều 54 BLHS để quyết định hình phạt, giảm nhẹ cho bị cáo dưới mức thấp nhất của khoản 2 Điều 341 BLHS.

Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Thuận áp dụng Điều 355, Điều 357 Bộ luật Tố tụng Hình sự, tuyên xử: chấp nhận kháng cáo của bị cáo Lương Phi T; Sửa bản án sơ thẩm số 05/2025/HS-ST ngày 22 tháng 01 năm 2025 của Tòa án nhân dân huyện Ninh Sơn, theo hướng: bị cáo phạm tội “Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức”; Giảm hình phạt cho bị cáo từ 6 – 9 tháng tù.

Các phần khác của bản án không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật.

** Người bào chữa cho bị cáo trình bày ý kiến:*

Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét áp dụng Điều 355, điều 357 Bộ luật tố tụng hình sự, điểm s, điểm r khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 65, khoản 1 Điều 341, BLHS, Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 được sửa đổi bổ sung bởi Điều 1 Nghị quyết số 01/2022/NQ-HĐTP ngày 15/4/2022 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng Điều 65 của BLHS về án treo, sửa bản án sơ thẩm theo hướng:

Chuyển tội danh từ tội “*Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức*” sang tội “*Sử dụng con dấu hoặc tài liệu giả của cơ quan, tổ chức*”, không áp dụng điểm c khoản 2 Điều 341 BLHS đối với bị cáo Lương Phi T về tình tiết định khung tăng nặng đó là “*Làm từ 02 đến 05 con dấu, tài liệu hoặc giấy tờ khác*” khi đã chuyển tội danh để giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo hoặc chuyển hình phạt tù có thời hạn sang hình phạt tù nhưng cho hưởng án treo.

Miễn án phí cho bị cáo vì bị cáo thuộc diện hộ nghèo.

- Bị cáo nói lời sau cùng: bị cáo xin được hưởng án treo để lao động lo cho vợ con.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bị cáo Lương Phi T kháng cáo đúng quy định tại các Điều 331, 332, 333 Bộ luật Tố tụng Hình sự nên vụ án được xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về nội dung: Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Lương Phi T khai nhận hành vi phạm tội của mình, có đủ căn cứ xác định:

Do cần có giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô để đối phó với lực lượng Công an khi sử dụng xe mô tô tham gia giao thông nếu bị kiểm tra nên bị cáo tìm kiếm trên mạng xã hội, cung cấp thông tin, hình ảnh của các giấy đăng ký xe mô tô, để làm giả 03 đăng ký xe mô tô mang tên Lương Vện T1, Nguyễn Tấn L1, Đỗ Văn P. Ngày 2/3/2024 bị cáo nhận được 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô giả mang tên Lương Vện T1 mang về sử dụng. Ngày 12/3/2024 khi vừa nhận 02 giấy đăng ký xe mô tô giả mang tên Nguyễn Tấn L1, Đỗ Văn P, chưa kịp sử dụng thì bị lực lượng Công an phát hiện bắt quả tang.

Tòa án cấp sơ thẩm xét xử bị cáo Lương Phi T theo khoản 2 Điều 341 Bộ luật Hình sự và áp dụng các tình tiết giảm nhẹ như: bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; gia đình bị cáo có hoàn cảnh khó khăn, thuộc hộ nghèo có xác nhận của chính quyền địa phương quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự là đúng quy định của pháp luật.

Hành vi của bị cáo Lương Phi T thể hiện ý thức xem thường pháp luật, trực tiếp xâm hại đến trật tự quản lý hành chính, sự hoạt động bình thường và uy tín của các cơ quan, tổ chức, hiệu lực quản lý nhà nước, gây ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh trật tự tại địa phương cần phải xử lý nghiêm để răn đe, giáo dục đối với bị cáo và có tác dụng phòng ngừa chung.

[3] Xét các kháng cáo của bị cáo Lương Phi T, thấy rằng:

[3.1] Kháng cáo về tội danh:

Tội làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức; tội sử dụng con dấu hoặc tài liệu giả của cơ quan, tổ chức là hai tội danh độc lập được quy định trong cùng một điều luật. Bị cáo có hành vi cung cấp thông tin, đặt làm giả Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô với mục đích sử dụng vào việc đối phó với lực lượng công an khi bị kiểm tra lưu hành xe mô tô mà không có giấy đăng ký xe mô tô. Như vậy, bị cáo không trực tiếp làm giả giấy đăng ký xe mà có hành vi nhờ người khác làm giả giấy đăng ký xe sau đó sử dụng giấy đăng ký xe mô tô giả này để thực hiện hành vi trái pháp luật.

Hành vi của bị cáo phạm tội “Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức” với tình tiết định khung tăng nặng “Phạm tội 2 lần trở lên” theo điểm b khoản 2 Điều 341 BLHS; Được hướng dẫn tại mục 2 phần I của Công văn 196/TANDTC-PC ngày 03/10/2023; Tại mục 5 phần I Công văn số 163/TANDTC-PC ngày 10/9/2024 của Tòa án nhân dân Tối cao.

Bị cáo không phạm tội theo tình tiết định khung tăng nặng “Làm từ 2 đến 5 tài liệu ...” theo điểm c khoản 2 Điều 341 BLHS nên cần sửa án sơ thẩm cho đúng với tội danh và điều luật áp dụng theo hướng nhận định trên.

[3.2] Kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt:

Bị cáo bị bắt quả tang vào ngày 12/3/2024 khi vừa nhận bưu kiện có 2 giấy đăng ký xe mô tô giả mà chưa kịp sử dụng thuộc trường hợp tội phạm “Đã hoàn thành nhưng chưa đạt” nên cần áp dụng Điều 57 BLHS khi quyết định hình phạt.

Mặc khác, ngoài hành vi phạm tội bị bắt quả tang ngày 12/3/2024 bị cáo đã tự khai nhận và tích cực hợp tác truy tìm, thu hồi và nộp cho cơ quan điều tra Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô giả mang tên Lương Vẹn T1 đã đặt làm, đưa vào sử dụng từ ngày 02/3/2024 nên xem đây là bị cáo tự thú theo điểm r khoản 1 Điều 51 BLHS;

Hội đồng xét xử thấy rằng: bị cáo không bị áp dụng một tình tiết định khung tăng nặng theo điểm c khoản 2 Điều 241 BLHS; Ở lần phạm tội ngày 12/3/2024, hành vi phạm tội “Đã hoàn thành nhưng chưa đạt”; Có thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mới theo điểm r khoản 1 Điều 51 BLHS nên có đủ căn cứ áp dụng khoản 1 Điều 54 BLHS để xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt, quyết định hình phạt đối với bị cáo dưới mức thấp nhất của khoản 2 Điều 341 BLHS.

[3.3] Kháng cáo xin hưởng án treo:

Hành vi phạm tội của bị cáo là nghiêm trọng, bị cáo phạm tội với tình tiết định khung tăng nặng là “Phạm tội 2 lần trở lên” thuộc điểm b khoản 2 Điều 341 Bộ luật Hình sự; là người trực tiếp thực hiện tội phạm. Bị cáo không đủ điều kiện được hưởng án treo theo quy định tại Điều 3 Nghị quyết của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao “Hướng dẫn áp dụng Điều 65 của Bộ luật Hình sự về án treo”, tại Văn bản hợp nhất số 02/VBHN-TANDTC ngày 07-9-2022;

[3.4] Hội đồng xét xử chấp nhận một phần kháng cáo của bị cáo Lương Phi T; Ý kiến bào chữa của người bào chữa cho bị cáo; Sửa bản án sơ thẩm về tội danh, điều luật áp dụng và giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo như ý kiến đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Ninh Thuận tại phiên tòa.

[4] Về án phí phúc thẩm: Do yêu cầu kháng cáo được chấp nhận nên bị cáo Lương Phi T không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm theo quy định tại điểm h khoản 2 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[5] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm b khoản 1 Điều 355, Điều 357 Bộ luật Tố tụng Hình sự;
Chấp nhận một phần kháng cáo của bị cáo Lương Phi T;

Sửa bản án hình sự sơ thẩm số 05/2025/HS-ST ngày 22 tháng 01 năm 2025 của Tòa án nhân dân huyện Ninh Sơn, tỉnh Ninh Thuận.

Tuyên bố: Bị cáo Lương Phi T phạm tội “Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức”.

Áp dụng: điểm b khoản 2 Điều 341, điểm r, s khoản 1 Điều 51, khoản 2 Điều 51, Điều 54, 57 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt: Bị cáo Lương Phi T 12 (Mười hai) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày đi thi hành án.

- Về án phí: Bị cáo Lương Phi T không phải nộp án phí hình sự phúc thẩm.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án (02 - 4 - 2025).

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Ninh Thuận;
- VKSND huyện Ninh Sơn;
- TAND huyện Ninh Sơn (02 bản);
- Công an tỉnh Ninh Thuận;
- Chi cục THADS huyện Ninh Sơn;
- Sở Tư pháp (kèm án sơ thẩm);
- Bị cáo;
- Phòng KTNV-THA; HCTP;
- Lưu: án văn, hồ sơ./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lâm Bách